SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI
BỆNH VIỆN ĐKKV TRÀ BỒNG

Số: 990 /TB-BVĐKKVTB

V/v mời quan tâm chào giá mua hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, chữa bệnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Bồng, ngày 23 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ
V/v mua bổ sung hóa chất xét nghiệm cho Bệnh viện Đa khoa khu vực Trà Bồng

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Đa Khoa khu vực Trà Bồng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua bổ sung hóa chất xét nghiệm thuộc dự án/dự toán mua bổ sung hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho Bệnh viện Đa khoa khu vực Trà Bồng năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin chung

1. Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa khu vực Trà Bồng

2. Thông tin gói thầu

- Tên dự án/dự toán mua sắm: Mua bổ sung hóa chất xét nghiệm
- Tên gói thầu: Mua bổ sung hóa chất xét nghiệm
- Tên yêu cầu chào giá: Mua bổ sung hóa chất xét nghiệm

3. Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá

Báo giá ký, đóng dấu đầy đủ và để **trong phòng bì dán kín,** trên phong bì có ghi các thông tin sau:

- Báo giá Mua bổ sung hóa chất xét nghiệm cho Bệnh viện Đa khoa khu vực Trà Bồng.
- Nơi gửi: Tên và địa chỉ của công ty (đơn vị) gửi báo giá;
- Nơi nhận: Phòng Văn thư của Bệnh viện Đa khoa khu vực Trà Bồng.
- Địa chỉ thư điện tử: trabong-syt@quangngai.gov.vn

-Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

+ Bà Khấu Thị Như Quỳnh. Chức vụ: nghiệp vụ dược Khoa Dược - Vật tư, thiết bị Y tế thuộc Bệnh viện Đa khoa khu vực Trà Bồng.

+ Số điện thoại: 0936151756. Địa chỉ mail: khoaduoctbong@gmail.com.

+ Địa chỉ tiếp nhận báo giá: 476 Trà Bồng khởi Nghĩa, xã Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Thời gian tiếp nhận báo giá: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký ban hành thông báo mời báo giá này.

Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày cuối cùng của thời hạn tiếp nhận báo giá.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá:(*có danh mục kèm theo*)

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản hàng hoá: Khoa Dược - Vật tư, Thiết bị Y tế, Bệnh viện Đa khoa khu vực Trà Bồng, 476 Trà Bồng Khởi Nghĩa, xã Trà Bồng - tỉnh Quảng Ngãi.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: không quá 72 giờ kể từ ngày nhận dự trù (bằng văn bản, email hoặc điện thoại của bên mua gửi đến bên bán). Trường hợp đột xuất, cấp cứu, thiên tai bão lụt, chống dịch sẽ có chế độ cung ứng riêng trong vòng 24 giờ.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

a. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản được quy định như sau:

- Sau khi nhà thầu cung cấp hàng hóa và bàn giao đầy đủ thủ tục thanh toán, Chủ đầu tư thanh toán dứt điểm 100% giá trị hợp đồng cho nhà thầu.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

b. Thời hạn thanh toán: Không quá 90 ngày làm việc kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu.

c. Số lần thanh toán: Có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành.

5. Các thông tin khác (nếu có).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Website BVĐKKV Trà Bồng;
- Lưu: VT, Dược-Vật tư,TBYT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TRÀ BỒNG

Hồ Văn Toàn

PHỤ LỤC DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM

(Kèm theo thông báo số 990/TB-BVĐKKVTB ngày 23/11/2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Trà Bồng)

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hóa chất tẩy rửa	Dung dịch rửa thường xuyên cho máy phân tích huyết học Độ pH: 7,7 đến 8,3 Thành phần: Buffer: Na2EDTA < 0,3%; Stabiliser:Disodium tetraborate < 0,3 %; Dye < 0,0001 % Can: ≥5 lít Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Can	2
2	AST	- Hóa chất xét nghiệm định lượng AST trong huyết tương và huyết thanh. - THÀNH PHẦN THUỐC THỬ Tris buffer ≤ 90 mM pH 7.65, L-aspartate ≤ 250 mM, 2-Oxoglutarate ≤ 14 mM, Hộp: R1: 4x40 mL + R2: 4x10 mL	Hộp	5
3	ALT	- Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT trong huyết thanh - THÀNH PHẦN THUỐC THỬ Tris buffer : ≤ 120 mM pH 7.15 L-Alanine : ≤ 550 mM 2-Oxoglutarate : ≤ 18 mM Hộp: R1: R1: 4x40 mL + R2: 4x10 mL	Hộp	5
4	Glucose	- Hóa chất xét nghiệm định lượng glucose trong Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và CSF (dịch não tủy) - THÀNH PHẦN THUỐC THỬ Phosphate buffer pH 6.50 ≤ 240 mM, GOD ≥ 15000 U/L, POD ≥ 500 U/L, Hộp: R1: 4x60 mL	Hộp	6
5	Creatinin	- Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine trong huyết thanh và nước tiểu người. - THÀNH PHẦN THUỐC THỬ R1: Thuốc thử picric Picnic axit: 17,5 mmol / L R2: Thuốc thử kiềm Natri Hidroxit: 0,29 mol / L Hộp: R1: 4x60 mL + R2: 4x15 mL	Hộp	4
6	UREA/BUN	-- Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong huyết thanh hoặc nước tiểu - THÀNH PHẦN THUỐC THỬ Tris buffer ≤ 120 mM pH 7.60, 2-Oxoglutarate ≤ 8 mM, ADP ≤ 1.6 mM, Urease > 8 KU/L, Hộp:R1: 4x50 mL + R2: 4x12,5 mL	Hộp	5

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
7	Acid Uric	- Hóa chất xét nghiệm được định lượng axit uric trong huyết thanh hoặc huyết tương - THÀNH PHẦN THUỐC THỬ Phosphate : ≤ 120 mmol/L Detergent : ≤ 1.8 g/L Dichlorophenolsulfonate : ≤ 4.4 mmol/L Uricase : > 0.12 U/mL, Hộp: 4x60 ml	Hộp	1
8	Control Serum level 1	Hóa chất dùng để nội kiểm sinh hóa mức bình thường Lọ: 5ml	Lọ	6
9	Wash solution	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa để rửa máy sinh hóa tự động. Can 5lit	Can	2
10	System calibrator	Hóa chất dùng để hiệu chuẩn máy sinh hóa Lọ: 5ml	Lọ	3
11	Tes nhanh Hbsag	Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100% Thời gian trả kết quả: 20 phút Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 100µL.Hộp 30 test	Test	400
12	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Phát hiện định tính kháng nguyên HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100% Thời gian trả kết quả: 20 phút Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 100µL. Hộp 100 test	Test	400
13	Que thử nước tiểu 11 thông số	Que thử cho máy phân tích nước tiểu 11 chỉ số: Ascorbic Acid, Glucose, Bilirubin, Ketones, Specific Gravity, Blood, pH, Protein, Urobilinogen, Nitrite, Leukocytes. Sử dụng được cho máy Urilyzer 100. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp 150 test	Hộp	3
14	Thẻ định nhóm máu ABO	Dùng để xác định nhóm máu ABO của người nhận và đảm bảo sự tương thích nhóm máu của người nhận và nhóm máu được truyền. Hộp 100 test	Test	400
		Tổng cộng: 14 khoản		